AKUSALARĀSĪCETASIKA – NHÓM TÂM SỞ BẤT THIỆN

Nhóm Tâm Sở Bất Thiện bao gồm **14** tâm sở, chỉ kết hợp với 12 tâm Bất thiện mà thôi. Những tâm sở này khi kết hợp với tâm nào thì làm cho tâm ấy bị ô nhiễm, nóng nảy.

I. MOCATUKACETASIKA – SI PHẦN: 04

Gồm 4 tâm sở: Moha, Ahirika, Anottappa, Uddhacca, có tâm sở Moha là gốc dẫn đầu.

Cả 4 tâm sở này đồng sinh trong tất cả 12 tâm Bất thiện, nên gọi là **Sabbākusalasadhāraṇa** – Bất Thiện Biến Hành. Bởi vì mỗi loại tâm Bất thiện đều có liên quan đến yếu tố mù quáng (tâm sở Moha) về sự nguy hiểm của tội lỗi, đến sự không hổ thẹn (tâm sở Ahirika) và không ghê sợ (tâm sở Anottappa) tội lỗi, và đến dòng chảy tiềm ẩn của sự kích động (tâm sở Uddhacca).

A. Moha – Si

Ngữ căn *"muh"*: Mê muội, đần độn, lầm lạc.

Tâm sở Moha là nhân Bất thiện thứ nhất, là pháp dẫn đầu của tất cả tâm sở Bất thiện.

1. **Tướng Trạng**: Không hiểu biết (Aññāṇalakkhaṇo).
2. **Phận Sự**: Che đậy bản chất thật sự của Đối tượng (Ārammaṇasabhāvacchādanaraso).
3. **Thành Tựu**: Hành vi không chân chính (Asammāpaṭipattipaccupaṭṭhāno).
4. **Nguyên Nhân Gần**: Ayonisomanasikāra (Ayonisomanasikārapadaṭṭhāno).

B. Ahirika – Vô Tàm

"Na" + *"hirika"*: Hổ thẹn = *"Ahirika"*: Không hổ thẹn, Vô liêm sỉ.

1. **Tướng Trạng**: Không hổ thẹn với Thân Ác Hạnh (Kāyaduccaritādihi Ajigucchanalakkhaṇaṃ).
2. **Phận Sự**: Thực hiện Ác Hạnh (Duccaritakaraṇarasaṃ).
3. **Thành Tựu**: Không ngần ngại làm Ác (Asaṅkocanapaccupaṭṭhānaṃ).
4. **Nguyên Nhân Gần**: Thiếu Tự trọng (Attamagāravapadaṭṭhānaṃ).
   "A" + *"gārava"*: cung kính = *"Agārava"*: Không kính trọng.

C. Anottappa – Vô Úy (Không Ghê Sợ/Vô Quý)

"Na" + *"ava"* + ngữ căn *"tap"*: bứt rứt = *"Anottappa"*: Không ray rứt (khi làm Ác hạnh).

1. **Tướng Trạng**: Không ghê sợ (hậu quả của) Ác Hạnh (Pāpato Anuttāsanalakkhaṇaṃ).
2. **Phận Sự**: Thực hiện Ác Hạnh (Duccaritakaraṇarasaṃ).
3. **Thành Tựu**: Không ngần ngại làm Ác (Asaṅkocanapaccupaṭṭhānaṃ).
4. **Nguyên Nhân Gần**: Thiếu sự Tôn trọng người khác (Paramagāravapadaṭṭhānaṃ).

D. Uddhacca – Mông Lung (Phóng Dật/Điệu Cử/Trạo Cử/Phóng Tâm/Dao Động)

"U": phía trên + ngữ căn *"Dhu"*: dao động, rung chuyển = *"Uddhacca"*: Rung chuyển ở phía trên.

Hoặc *"U"* + ngữ căn *"har"*: đem đi, lấy ra = kéo tâm ra khỏi Đối tượng này để sang Đối tượng khác.

1. **Tướng Trạng**: Không lắng yên (Avūpasamalakkhaṇaṃ).
   "Avūpasama": Sự không yên lặng.
2. **Phận Sự**: Sự không vững vàng (Anavaṭṭhānarasaṃ).
   "Na" + *"avaṭṭhāna"*: Vị trí, chỗ đứng = *"Anavaṭṭhāna"*
3. **Thành Tựu**: Sự tán loạn (Bhantattapaccupaṭṭhānaṃ).
   "Bhantatta": Sự tán loạn.
4. **Nguyên Nhân Gần**: Ayonisomanasikāra (Ayonisomanasikārapadaṭṭhānaṃ).

II. LOTIKACETASIKA – THAM PHẦN: 03

Những tâm sở nào có sự dính mắc vào Đối tượng, được gom lại thành Tham Phần. Gồm 03 tâm sở: Lobha, Diṭṭhi, Māna, với tâm sở Lobha là gốc. 03 tâm sở này có nhiệm vụ kéo dài Vòng Luân Hồi.

Cả 2 tâm sở Diṭṭhi và tâm sở Māna chỉ kết hợp với 08 tâm căn Tham, vì chúng có liên quan đến sự dính mắc vào Ngũ Uẩn. Chỉ khi nào có tâm sở Lobha, thì mới có sự hiểu biết sai lầm về Đối tượng (tâm sở Diṭṭhi) và cũng như sự kiêu ngạo, tự hào về Đối tượng đó (tâm sở Māna).

Dù đặt nền trên tâm sở Lobha, nhưng tâm sở Diṭṭhi và tâm sở Māna có Tướng Trạng khác nhau, cho nên, chúng không thể tồn tại cùng nhau trong cùng một tâm.

Do vậy, những tâm sở này được gọi là **Pakiṇṇakākusala** – Bất Thiện Biệt Cảnh.

A. Lobha – Tham

Ngữ căn *"Lubh"*: bám chặt vào, xiết chặt lại.

Tâm sở Lobha là nhân Bất thiện thứ 2. Lobha đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai.

1. **Tướng Trạng**: Bám lấy Đối tượng (Ārammaṇagahaṇalakkhaṇo).
   "Gahaṇa": Níu lấy, bám lấy.
2. **Phận Sự**: Dính chặt (Abhisaṅgaraso).
   "Abhi" + *"Saṅga": sự bám níu* = *"Abhisaṅga"*: bám chặt.
3. **Thành Tựu**: Không dứt bỏ (Apariccāgapaccupaṭṭhāno).
   "Na" + *"pari"*: trọn vẹn + *"cāga"*: buông lìa = *"Appariccāga"*: Không buông Đối tượng trọn vẹn.
4. **Nguyên Nhân Gần**: Thấy các pháp làm Đối tượng cho Pháp Ràng Buộc là khả ái (Saṃyojaniyadhammesu Assādadassanakhapadaṭṭhāno).
   "Saṃyojaniya": Pháp khiến chúng sinh bị rơi vào Pháp Ràng Buộc. Đó là 81 Tâm Hiệp Thế, tâm sở kết hợp và Rūpa.
   "Assāda": thỏa thích + *"dassana"*: sự nhận thấy.

B. Diṭṭhi – Tà Kiến

Ngữ căn *"Dith"*: Thấy. *"Diṭṭhi"*: tri kiến.

Thông thường, khi *"Diṭṭhi"* đứng một mình sẽ có ý nghĩa là Tà Kiến: Thấy sai lệch với sự thật, tức là nhận thức, quan điểm không đúng với bản chất của Pháp Hữu Vi.

Để phân biệt, ta có thể dùng 2 từ: **Micchādiṭṭhi** – Tà Kiến, **Sammādiṭṭhi** – Chánh Kiến.

1. **Tướng Trạng**: Trú đóng trong điều không đúng sự thật. (Ayoniso Abhinivesalakkhaṇā).
   "Ayoniso": Phi lý, Không đúng theo sự thật. *"Abhi"*: Cao tột + *"Nivesa"*: Chỗ trú = *"Abhinivesa"* (Theo từ điển của Ngài Tịnh Sự là: Thiên chấp, Xu hướng.)
2. **Phận Sự**: Suy xét sai (Parāmāsarasā).
   "Parāmāsa": Sự suy xét sai. (Theo từ điển của Ngài Tịnh Sự là: Khinh thị; Sự bám chấp.)
3. **Thành Tựu**: Cố thủ với tri kiến sai (Micchābhinivesapaccupaṭṭhānā).
4. **Nguyên Nhân Gần**: Không muốn gặp gỡ Bậc Hiền Trí (Sappurisavimukkatāpaṭṭhānā).

C. Māna – Ngã Mạn

Ngữ căn *"Man"*: Cân đong, đo lường.

1. **Tướng Trạng**: Sự ngạo nghễ (Unnatilakkhaṇo).
   "Unnati": Sự nổi lên, sự tăng cao, sự hống hách.
   Trong **Mahāniddesapāḷi** – Đại Diễn Giải/3.**Duṭṭhaṭṭhakasuttaniddeso** – Diễn Giải Kinh Nhóm Tám Về Xấu Xa, Ngã Mạn được chia chẻ như sau:
   a. Ngã Mạn theo 1 loại: Sự kiêu hãnh của tâm (Unnati).
   b. Ngã Mạn theo 2 loại: Ngã Mạn do tâng bốc bản thân và Ngã Mạn do khinh bỉ người khác.
   c. Ngã Mạn theo 3 loại: Với ý nghĩ rằng: *"Ta là tốt hơn"*, *"Ta là ngang bằng"*, *"Ta là thua kém"*.
   d. Ngã Mạn theo 4 loại: Do Được Lợi, Được Danh, Được Khen, An Lạc rồi sinh khởi Ngã Mạn.
   e. Ngã Mạn theo 5 loại: Với ý nghĩ: *"Ta đạt được những Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc vừa ý."*
   f. Ngã Mạn theo 6 loại: Ngã Mạn do sự thành tựu của Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý.
   g. Ngã Mạn theo 7 loại:
      - **Māna** – Đồng Mạn: So kè cái này bằng cái kia;
      - **Omāna** – Ti Mạn: Tự ti, mặc cảm, cho cái này thấp hơn cái kia;
      - **Atimāna** – Quá Mạn (Thượng Mạn/Cống Cao): Tự tôn, cho cái này hơn cái kia;
      - **Mānātimāna** – Mạn Quá Mạn: Cao ngạo hơn Quá Mạn;

- **Adhimāna** – Tăng Thượng Mạn: Nâng cái tôi lên cao quá đáng;
- **Asmimāno** – Ngã Sở Mạn: Ngã Mạn về bản thân;
- **Micchāmāna** – Tà Chấp Mạn: Ngã Mạn do hiểu biết sai trái.

h. Ngã Mạn theo 8 loại: Do Được Lợi, Được Danh, Được Khen, An Lạc rồi sinh khởi kiêu hãnh, do Mất Lợi, Mất Danh, Bị Chê, Đau Khổ rồi sinh khởi tự ti.

i. Ngã Mạn theo 9 loại, chia thành 3 nhóm 3:

- **Seyyohamasmi** – Ỷ Hơn (So Hơn):
  - Seyyassa seyyohasmasmūti māno (cao cho là cao): Hơn người và cho mình là cao quý hơn người khác.
  - Seyyassa sadisohamasmūti māno (cao cho là bằng): Hơn người nhưng cho mình ngang bằng với người khác.
  - Seyyassa lūnohamasmūti māno (cao cho là thấp): Hơn người nhưng cho mình thấp kém.
- **Sadiyohamasmi** – Ỷ Bằng (So Bằng):
  - Sadisassa seyyohamasmūti māno (bằng cho là cao): Bằng người nhưng cho rằng mình cao hơn người.
  - Sadisasa sadisohamasmūti māno (bằng cho là bằng): Bằng người và cho rằng mình ngang hàng.
  - Sadisasassa hīnohemasmūti māno (bằng cho là thua): Bằng người nhưng cho là thua kém người.
- **Hīnohamasmi** – Ỷ Thua (So Thua):
  - Hīnassa seyyohamsmūti māno (thua cho là hơn): Kém người, nhưng cho rằng mình hơn người. Đây là hình thức Tăng Thượng Mạn.
  - Hīnassa sadigohamasmuuti māno (thua cho là bằng): Kém người nhưng cho mình bằng người.
  - Hīnassa hīnohamasmūti māno (thua cho là thua): Kém người và cho rằng mình thua người.

j. Ngã Mạn theo 10 loại: Ngã Mạn về xuất thân, dòng dõi, gia thế, vẻ đẹp, tài sản, học vấn, công việc, tài nghệ, kiến thức, sự học hỏi, tài biện giải, hoặc về sự việc này khác.

Trong Tạng Thắng Pháp, Bộ Phân Tích liệt kê những hình thức làm sinh khởi Ngã Mạn: *"Sinh chủng, họ tộc, sức mạnh, tuổi trẻ, đời sống, lợi lộc, sự lễ kính, sự trọng vọng, sự tôn vinh, tùy tùng, học vấn, tài sản, biện tài, tuổi thọ, danh tiếng, giới hạnh, Jhāna, Abhiññā, nghệ thuật, nghề nghiệp, tài năng, trí tuệ."*

2. Phận Sự: Tự đề cao (Sampaggaharaso).

"Sampaggaha": Sự đề cao.

Tâm sở Māna có 2 loại Phận Sự:

3. Thành Tựu: Sự khoe khoang (Ketukamyatāpaccupaṭṭhāno).

"Ketukamyatā": Khoe khoang, khao khát sự nổi bật, hư vinh.

4. Nguyên Nhân Gần: Có tâm căn Tham không kết hợp Tà Kiến (Diṭṭhivippayuttalobhapadaṭṭhāno).

III. DOCATUKACETASIKA – SÂN PHẦN: 04

Những tâm sở nào có sự không hài lòng với Đối tượng, gom lại thành một nhóm gọi là Sân Phần, gồm có 4 tâm sở: Dosa, Issā, Macchariya, Kukkucca.

Tâm sở Issā, tâm sở Macchariya và tâm sở Kukkucca không bao giờ đồng sinh trong cùng một tâm, do nhân trợ sinh của chúng khác khau, nhưng khi 1 trong số chúng sinh khởi thì luôn đồng sinh cùng với tâm sở Dosa. Cho nên 04 tâm sở này cũng gọi là Bất Thiện Biệt Cảnh.

A. Dosa – Sân:

Ngữ căn *"Dus"*: làm cho xấu, hỏng.

Tâm sở Dosa là nhân Bất thiện thứ 3.

1. Tướng Trạng: Sự hung hãn (Caṇḍikkalakkhaṇo).

"Caṇḍikka": Sự hung tợn.

2. **Phận Sự**: Tự thiêu đốt (Attano Nissayadahanaraso).
   "Nissaya": Nương tựa + *"dāha"*: Thiêu đốt = *"Nissayadahana"*: Thiêu đốt nơi nương tựa.
3. **Thành Tựu**: Hủy hoại (Dūsanapaccupaṭṭhāno).
4. **Nguyên Nhân Gần**: Có Hiềm Khích Sự (Āghātavatthupadaṭṭhāno).
   Āghātavatthu – Hiềm Khích Sự: Sự việc gây nóng giận hay mầm mống của xung đột, gồm:
   - **Anatthaṃ me acarī' ti āghātaṃ bandhati**: Hiềm khích rằng "Nó từng gây tai hại cho ta."
   - **Anatthaṃ me caratī' ti āghātaṃ bandhati:** Hiềm khích rằng "Nó đang gây tai hại cho ta."
   - **Anatthaṃ me carissatī' ti āghātaṃ bandhati**: Hiềm khích rằng "Nó sẽ gây tai hại cho ta."
   - **Piyassa me manāpassa anatthaṃ acarī' ti āghātaṃ bandhati**: Hiềm khích rằng "Nó đã từng gây tai hại cho người thân yêu của ta."
   - **Piyassa me manāpassa anatthaṃ caratī' ti āghātaṃ bandhati**: Hiềm khích rằng "Nó đang gây tai hại cho người thân yêu của ta."
   - **Piyassa me manāpassa anatthaṃ carissatī' ti āghātaṃ bandhati**: Hiềm khích rằng "Nó sẽ gây tai hại cho người thân yêu của ta."
   - **Appiyassa me amanāpassa atthaṃ acarī' ti āghātaṃ bandhati**: Hiềm khích rằng "Nó đã từng làm lợi ích cho kẻ thù của ta."
   - **Appiyassa me amanāpassa atthaṃ caratī' ti āghātaṃ bandhati**: Hiềm khích rằng "Nó đang làm lợi ích cho kẻ thù của ta."
   - **Appiyassa me amanāpassa atthaṃ carissatī' ti āghātaṃ bandhati**: Hiềm khích rằng "Nó sẽ làm lợi ích cho kẻ thù của ta."
   - Ngoài ra còn sự nóng giận không có nguyên nhân hợp lý: Khi trời quá nóng hay quá lạnh, ta tức giận. Hay gặp vận rủi: Vấp ngã… Nỗi buồn vu vơ…

B. Issā – Đố Ky (Tật Đố)

Ngữ căn *"I"* + ngữ căn *"Su"*: Đố ky.

1. **Tướng Trạng**: Ghen tức với thành tựu của người khác (Parasampattīnaṃ Usūyanalakkhaṇā).
   "Para": Kẻ khác + *"Sampatti"*: Thành tựu = *"Parasampattī"*: Thành tựu của người khác.
   "Usūyanā": **Sự khó chịu**, sự ghen tức.
2. **Phận Sự**: Không vừa lòng với thành tựu của người khác (Tattheva Anabhiratirasā).
   "Na": Không + *"Abhirati"*: Hài lòng = *"Anabhirati"*
3. **Thành Tựu**: Quay lưng với thành tựu của người khác (Tato Vimukhabhāvapaccupaṭṭhānā).
4. **Nguyên Nhân Gần**: Thành tựu của người khác (Parasampattipadaṭṭhānā).
   Tâm sở Đố Ky lấy thành tựu của người khác làm Đối tượng, gồm:
   - **Lợi lộc**: Không hài lòng khi thấy người khác có lợi lộc.
   - **Tín ngưỡng**: Thấy giáo thuyết của người được người ái mộ thì không hài lòng.
   - **Sự trọng vọng**: Thấy người khác được tôn sùng ái mộ thì không hài lòng. Như Devadatta thấy phật tử hỏi thăm các Vị Thánh Arahant như: Sāriputta, Moggallāna, Mahā Kassapa… thì không hài lòng.
   - **Tôn vinh**: Thấy người khác được khen ngợi thì không hài lòng, như vị Bhikkhu nghe vị Bhikkhu khác được cư sĩ Phật Giáo khen ngợi thì tìm cách gièm pha…
   - **Sự cúng dường**: Như thấy vị Bhikkhu khác được cúng dường thì không hài lòng.

C. Macchariya – Ích Kỷ (Lận Sắt/Xan Lận/Xan Tham/Bỏn Xẻn)

"Mā": đừng, không được + *"Accha"*: trong sạch, tinh khiết, chói sáng, hiển lộ + *"Ariya"*: điều tốt đẹp, cao quý = *"Macchariya"*: Đừng cho điều tốt đẹp hiện bày.

1. **Tướng Trạng**: Che giấu thành tựu của mình (Sakasampattīnaṃ Nigūhanalakkhanaṃ).
   "Saka": Của mình + *"sampatti"* = *"Sakasampattī"*. *"Nigūhana"*: Che đậy, giấu kín.
2. **Phận Sự**: Không chấp nhận chia sẻ với người khác (Parehisādhāraṇabhāvakkhamanarasaṃ).
3. **Thành Tựu**: Co rút lại (Saṅkocanapaccupaṭṭhānaṃ).
   "Saṅkoca": Nhăn mặt, giả vờ, co rút lại.

4. **Nguyên Nhân Gần**: Thành tựu của mình (Attasampattipadaṭṭhānaṃ).
   Có 5 loại Ích Kỷ chia theo thành tựu của bản thân:
   - **Āvāsamacchariya** – Ích Kỷ Chỗ Ở: Không chia sẻ khoảng không gian mình có được. Có thể là một chỗ ngồi, căn phòng hay tịnh xá…
   - **Kulamacchariya** – Ích Kỷ Thân Tộc: Không thích người khác giao du với bạn thân của mình, hay vị Tu sĩ không muốn vị khác lui tới với đệ tử, đồ chúng của mình…
   - **Lābhamacchariya** – Ích Kỷ Lợi Lộc: Ngoài sự không chia sẻ lợi đắc mình có được đến người, người có Ích Kỷ còn không muốn người khác được lợi lộc dù từ nơi khác.
   - **Vaṇṇamacchariya** – Ích Kỷ Sắc Đẹp: Không muốn người khác xinh đẹp…
   - **Dhammamacchariya** – Ích Kỷ Pháp: Không muốn chia sẻ sự hiểu biết của mình.

D. Kukkucca – Hối Hận (Hối/Hối Quá)

Ngữ căn *"ku"*: Xấu + *"kicca"* = Cho việc mình đã làm hoặc không làm là xấu.

1. **Tướng Trạng**: Day dứt với việc đã qua (Pacchānutāpalakkhaṇaṃ).
2. **Phận Sự**: Phiền muộn vì việc đã làm hay đã không làm (Katākatānusocanarasaṃ).
   "Kata": Đã làm + *"akata"*: Chưa làm + *"anusocana"*: Phiền muộn, ta thán.
3. **Thành Tựu**: Sự ân hận (Vippaṭisārapaccupaṭṭhānaṃ).
4. **Nguyên Nhân Gần**: Có việc xấu đã làm, việc tốt đã không làm (Katākatapadaṭṭhāṇaṃ).

IV. THĪDUKACETASIKA – HÔN PHẦN: 02

Những tâm sở nào làm cho các pháp đồng sinh trở nên yếu đuối, lười nhác, rơi vào thụ động, được gom lại gọi chung là Hôn Phần, gồm: tâm sở Thīna, tâm sở Middha có tâm sở Thīna là gốc dẫn đầu.

Tâm sở Thīna làm cho tâm kết hợp muốn buông bỏ Đối tượng, tâm sở Middha làm cho tâm sở đồng sinh muốn buông bỏ Đối tượng. Citta, Cetasika luôn cùng sinh lên với nhau, cho nên tâm sở Thīna và tâm sở Middha cũng luôn sinh lên cùng nhau, nên Hôn Phần còn gọi là **nhóm Sinh đôi**.

Ngọn đèn dầu gần tắt thì ánh sáng mờ dần đến tắt hẳn như thế nào, cũng như vậy, tâm sở Thīna và tâm sở Middha làm cho tâm và tâm sở đồng sinh buông bỏ Đối tượng trong các Lộ Trình Tâm, thỉnh thoảng rơi xuống Hộ Kiếp, ngủ gật.

Cặp tâm sở này **CHỈ** đồng sinh ở **5** Bất thiện Cần Tác Động (4 tâm căn Tham + 1 tâm căn Sân).
Do đó, 2 tâm sở này cũng gọi là Bất Thiện Biệt Cảnh.

A. Thīna – Buồn Chán (Hôn Trầm)

Ngữ căn *"Thiy"*: Làm chậm lại.

1. **Tướng Trạng**: Không cố gắng (Anussāhalakkhaṇaṃ).
   "Na" + "Ussāha"
2. **Phận Sự**: Làm tiêu tan sự nỗ lực (Viriyavinodanarasaṃ).
3. **Thành Tựu**: Sự chùng xuống (Saṃsīdanapaccupaṭṭhānaṃ).
4. **Nguyên Nhân Gần**: Ayonisomanasikārapadaṭṭhānaṃ.
   Yonisomanasikāra để tâm sở Thīna không sinh lên là Tác Ý đến 8 Thê Thảm.

B. Middha – Buồn Ngủ (Thụy Miên/Thùy Miên)

Căn *"middh"*: Không có khả năng hoạt động, không có phản ứng.

1. **Tướng Trạng**: Không thích ứng hoạt động (Akammaññatālakkhaṇaṃ).
   "Akammaññatā": Không thích nghi.
2. **Phận Sự**: Hạn chế Lộ Trình Tâm (Onahanarasaṃ).
   "Onahana": Bao bọc, che đậy, khâm liệm.
3. **Thành Tựu**: Lười biếng (Līnatāpaccupaṭṭhānaṃ) Buồn ngủ (Pacalāyikāniddāpaccupaṭṭhānaṃ)
   "Līna": Sự thụ động, lười biếng (trong việc tiếp nhận Đối tượng).
   "Pacalāyikā": Sự buồn ngủ, mơ màng, nửa tỉnh nửa mê.
4. **Nguyên Nhân Gần**: Ayonisomanasikārapadaṭṭhānaṃ.
   Yonisomanasikāra để tâm sở Middha không sinh lên là Tác Ý đến những điều lợi ích, dù không thích hợp với khuynh hướng.

V. VICIKICCHĀ – HOÀI NGHI (THĪDUKACETASIKA – HÔN PHẦN)

Tâm sở Vicikichā là tâm sở Bất Thiện Biệt Cảnh.

1. **Tướng Trạng**: Sự ngờ vực (Saṃsayalakkhaṇā).

   "Saṃsaya": Sự ngờ vực.

   Đức Phật thuyết giảng trong Tạng Thắng Pháp, Bộ Pháp Tụ, phần Tụ cái của Nhị đề, có 8 loại. Trước 1 trong 8 loại Đối tượng này, tâm có trạng thái phân vân, lưỡng lự, không quyết đoán, đó là Tướng Trạng của tâm sở Vicikichā.

   a. 04 điều liên quan đến Ân Đức thù thắng:
   - **Buddhe kaṅkhati** – Hoài Nghi về Đức Phật: *"9 Ân Đức có thật vậy hay không?"*
   - **Dhamme kaṅkhati** – Hoài Nghi về Đức Pháp: *"6 Ân Đức Pháp có thật vậy hay không?"*
   - **Saṃghe kaṅkhati** – Hoài Nghi về Đức Tăng: *"9 Ân Đức Tăng, có thật vậy hay không?"*
   - **Sikkhāya kaṅkhati** – Hoài Nghi về 3 Sikkhā: "*Thực hành **Adhisīlasikkhā** – Hành Giới bậc cao, **Adhicittasikkhā** – Hành Samatha bậc cao, **Adhipaññāsikkhā** – Hành Vipassanā bậc cao trở thành Thánh nhân, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong Tam giới, có thật vậy hay không?"*

   b. 04 điều liên quan đến sự nhận thức chân lý:
   - **Pubbante kaṅkhati** – Hoài Nghi Quá Khứ: *"Tôi từng có mặt ở Quá khứ chăng? Hay, tôi không từng có mặt ở Quá khứ chăng? Tôi từng có mặt ở quá khứ ra sao? Nếu là người, thì là người như thế nào? Tôi đã thay đổi từ trạng thái gì sang trạng thái gì ở Quá khứ?"*
   - **Aparante kaṅkhati** – Hoài Nghi Tương Lai: *"Tôi sẽ có mặt ở Tương lai chăng? Hay, tôi sẽ không có mặt ở Tương lai chăng? Tôi sẽ có mặt ở Tương lai ra sao? Tôi sẽ có mặt ở Tương lai như thế nào? Tôi sẽ thay đổi từ trạng thái gì sang trạng thái gì ở Tương lai?"*
   - **Pubbantāparante kaṅkhati** – Hoài Nghi Hiện Tại: *"Tôi có hiện hữu không? Hay, tôi không hiện hữu? Tôi có hiện hữu những gì? Tôi có hiện hữu ra sao? Tôi đến từ đâu? Tôi sẽ đi đâu?"*
   - **Paṭiccasamuppāde kaṅkhati** – Hoài Nghi về Pháp Tùy Thuộc Sinh Khởi: *"Những pháp phát sinh theo Nhân Quả liên hoàn, Quả của pháp trước rồi làm Nhân của pháp sau, cứ như vậy diễn tiến không có pháp bắt đầu và cũng không có pháp cuối cùng, thật vậy không?"*

   "Vicikicchā" gần nghĩa với *"Kaṅkhā"* (Từ động từ *"Kaṅkhati"*): Nghi ngờ, không chắc chắn. Tuy cả 2 từ đều mang tính nghi ngờ, nhưng cường độ thì khác nhau. *"Kaṅkhā"* là nghi ngờ đến nỗi không tin, còn *"Vicikichā"* thì nửa tin nửa ngờ. Khi *"Vicikicchā"* dẫn đến *"Kaṅkhā"* thì hết thuốc trị.

2. **Phận Sự**: Lung lay dao động (với Đối tượng) (Kampanarasā).

   "Kampana": Làm cho rung lắc. Hay là sự lưỡng lự, nửa tin nửa ngờ.

3. **Thành Tựu**: Không thể quyết đoán (Anicchayapaccupaṭṭhānā).
4. **Nguyên Nhân Gần**: Ayonisomanasikārapadaṭṭhānā.